

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **Năm học 2025 - 2026**

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ theo Công văn 2345/BGDĐT-GDTH 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục cấp Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Thông tư ban hành điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 Thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh TH;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2019 Thông tư Ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29 tháng 8 năm 2025 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025 – 2026.

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

- Xã Mường Chà có tổng diện tích tự nhiên 462,31km², dân số trên 14.213 người; có 10 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 05 dân tộc chủ yếu, gồm: Dân tộc Mông chiếm 56,72%, dân tộc Thái chiếm 31,66%, dân tộc Dao chiếm 3,82%, dân tộc Kinh chiếm 3,58%, dân tộc Cống chiếm 3,29%, còn lại các dân tộc khác chiếm 0,93%.

- Địa bàn dân cư rộng, sống rải rác ở 29 điểm bản. Phần lớn nhân dân trong xã sinh sống bằng nghề nông nghiệp, lâm nghiệp và một số gia đình mở kinh doanh dịch vụ.

- Về văn hoá giáo dục của xã Mường Chà có truyền thống văn hoá lâu đời luôn giữ bản sắc của dân tộc, truyền thống văn hoá của địa phương.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

1.1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của sở giáo dục và đào tạo, Phòng Văn hóa – Xã hội, sự quan tâm của cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, sự phối hợp của trường THCS, Mầm non đóng trên địa bàn.

- Hệ thống văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp được triển khai đầy đủ và kịp thời.

- Ban giám hiệu nhà trường nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, khả năng động, sáng tạo trong công việc, chỉ đạo bám sát kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm của Ngành. Ban giám hiệu và các đoàn thể thống nhất trong công tác quản lý chỉ đạo các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Đội ngũ cán bộ giáo viên có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỉ luật, yêu thương học sinh. Có năng lực phẩm chất tốt, trình độ, lòng yêu nghề, có tinh thần đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

- Cơ sở vật chất 100% phòng học là kiên cố và bán kiên cố. Có đủ các phòng dạy học các môn chuyên như Tin học, Mĩ thuật, Âm nhạc, Tiếng anh. Thiết bị dạy học được trang cấp tương đối đủ bước đầu đáp ứng yêu cầu dạy và học đạt chất lượng tốt hơn.

1.2. Khó khăn, thách thức

Là xã vùng cao, biên giới còn rất nhiều khó khăn như: Điều kiện tự nhiên, xã hội, kết cấu hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, trình độ dân trí... Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước hạn chế, cùng với những biến động của thời tiết, khí hậu, dịch bệnh có thể còn diễn biến phức tạp; ...

- Cơ sở vật chất tuy đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ:

+ Diện tích lớp học chật hẹp, diện tích sân chơi, bãi tập của học sinh chưa đúng quy định.

+ Hệ thống một số phòng học, phòng chức năng, hệ thống điện, ống thoát nước đã xuống cấp.

+ Hệ thống máy chiếu, máy photo, máy tính, máy in của nhà trường đã sửa chữa nhiều lần, số lượng chưa đáp ứng được cho nhu cầu dạy và học.

- Một số giáo viên việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy còn hạn chế, năng lực chuyên môn của giáo viên không đồng đều, việc tiếp cận, đổi mới phương pháp dạy học mới còn chậm, chưa linh hoạt.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

- Năm học 2025 - 2026 nhà trường có 11 lớp và 292 học sinh. Trong đó có 10 lớp đơn; 1 lớp ghép 1 + 2. Cụ thể:

Khối	Số lớp	TSHS	Nữ	Dân tộc	NDT	Khuyết tật	Chính sách
1	3	69	30	69	30	1	18
2	2	46	26	44	24	2	16
3	2	61	29	61	29	1	18
4	2	54	25	51	24	1	17
5	2	62	32	60	31	0	18
Tổng	11	292	143	286	138	5	87

- Học 2 buổi/ ngày 11 lớp = 292 học sinh.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về cơ cấu đội ngũ: Tổng số 26 đồng chí

- CBQL: 02, trong đó: Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01;

- Giáo viên: 16, trong đó: Giáo viên tiểu học: 13, tiếng Anh: 01, GDTC: 01; Mỹ thuật: 01.

- Nhân viên: 5, trong đó: Kế toán: 01; Thư viện: 01; Văn thư – Thủ quỹ: 02; y tế học đường: 01.

- Nhân viên hợp đồng: 3, trong đó : 01 bảo vệ; 02 nhân viên nuôi dưỡng.

b. Trình độ đào tạo

- CBQL: Thạc sĩ: 01; Đại học: 01

- Giáo viên: Đại học: 15 đ/c; Cao đẳng: 01 đ/c

- Nhân viên: Đại học: 01 đ/c, Trung cấp 3 đ/c; dưới trung cấp: 01 đ/c.

- Trung cấp chính trị: 2 đ/c

- Quản lý nhà nước: 2 đ/c

c. Về chất lượng đội ngũ

- Giáo viên giỏi: cấp tỉnh: 1/16 đ/c đạt tỷ lệ 6,25%; cấp huyện: 5/16 đ/c đạt tỷ lệ 31,25%; cấp trường: 1/16 đ/c đạt tỷ lệ 6,25%

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: 4/16 đ/c đạt tỷ lệ 25%

- Chuẩn nghề nghiệp GV: loại Tốt: 11/16 đ/c đạt tỷ lệ 68,75%, Khá: 5/16 đạt tỷ lệ 31,25%,

- Đánh giá viên chức cuối năm: HTXS NV 3/23 đ/c đạt tỷ lệ 13%, HTT NV 20/23 đ/c đạt tỷ lệ 87%, HTNV: 0 đ/c.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

*** Về cơ sở vật chất**

- Tổng số phòng học: 11 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp. Trong đó: phòng kiên cố 8 phòng; phòng bán kiên cố 3 phòng.
- Tổng số phòng học bộ môn: 05 phòng, trong đó: 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng Mỹ thuật; 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng công nghệ.
- Tổng số phòng chức năng: 06 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Văn phòng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01.
- Trường có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

*** Thiết bị dạy học**

- Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.
- Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu hoạt động giáo dục:
 - + Tổng số máy chiếu: 10 cái (lắp cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn).
 - + Máy chiếu vật thể: 4 cái
 - + Tủ âm loa, đài: 01 bộ

*** Điểm trường, lớp ghép**

Năm học 2025 - 2026 nhà trường có 1 điểm trường lẻ: Điểm trường Nà Cang với 1 lớp ghép 1+2 với 16 học sinh. Phòng kiên cố 03 phòng. Trong đó sử dụng 01 phòng học; 01 phòng ăn; 01 phòng ngủ trưa cho học sinh.

*** Cơ sở vật chất phục vụ bán trú.**

- Nhà bếp và nhà ăn: có 01 nhà bếp, 01 nhà ăn. Nhà bếp, nhà ăn đảm bảo cơ sở vật chất cho 82 học sinh ăn, nghỉ bán trú tại trường.
- Phòng ở bán trú: 9 phòng; Nhà tắm; 2 nhà = 8 phòng; - Nhà vệ sinh: 3 nhà.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025 - 2026

1. Mục tiêu chung

Năm học 2025 - 2026 nhà trường phấn đấu:

- Duy trì trường đạt kiểm định mức độ 2. Trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.
- Duy trì đạt chuẩn PG GDTH mức độ 3. PC XMC mức độ 2.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Huy động và duy trì số lượng học sinh

- Duy trì 293/293 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

- Huy động số học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 67/67 HS đạt 100%.

- HS hoàn thành chương trình tiểu học: 62/62 HS đạt 100%.

2.2. Chất lượng giáo dục

- Tỷ lệ chuyển lớp đạt 231/231 em = 100%

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành CTTH đạt 62/62 em = 100%

- Tỷ lệ HS khen thưởng cuối năm:

+ Học sinh đạt danh hiệu “Học sinh hoàn thành xuất sắc” đạt từ 15% trở lên.

+ Học sinh đạt danh hiệu “Học sinh tiêu biểu” đạt từ 20% trở lên

- Môn học và các hoạt động giáo dục cuối năm:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số học sinh		70		46		61		54		62	
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	45	64,3	30	65,2	40	65,6	35	64,8	38	61,3
	HT	24	34,3	16	34,8	20	32,8	19	35,2	24	38,7
	CHT	1	1,4	0	0	1	1,6	0	0	0	0
2. Toán	HTT	46	65,7	30	65,2	44	72,2	34	63,0	39	62,9
	HT	23	32,9	16	34,8	16	26,2	20	37,0	23	37,1
	CHT	1	1,4	0	0	1	1,6	0	0	0	0
3. Tiếng Anh	HTT					40	65,6	34	63,0	38	61,3
	HT					20	32,8	20	37,0	24	38,7
	CHT					1	1,6	0	0	0	0
4. Đạo đức	HTT	48	68,6	32	69,6	44	72,2	39	72,2	50	80,6
	HT	22	31,4	14	30,4	16	26,2	15	27,8	12	19,4
	CHT	0	0	0	0	1	1,6	0	0	0	0

5. TN&XH		HTT	46	65,7	30	65,2	40	65,6				
		HT	24	34,3	16	34,8	20	32,8				
		CHT	0	0	0	0	1	1,6				
6. LS&ĐL		HTT							37	68,6	41	66,1
		HT							17	31,4	21	33,9
		CHT							0	0	0	0
7. Khoa học		HTT							40	74,1	44	71,0
		HT							14	25,9	18	29,0
		CHT							0	0	0	0
8. Công nghệ		HTT					40	65,6	36	66,7	45	72,6
		HT					20	32,8	18	33,3	17	27,4
		CHT					1	1,6	0	0	0	0
9. Tin học		HTT					40	65,6	37	68,6	40	64,5
		HT					20	32,8	17	31,4	22	35,5
		CHT					1	1,6	0	0	0	0
10. GDTC		HTT	48	68,6	34	73,9	50	82,0	37	68,6	48	77,4
		HT	22	31,4	12	26,1	11	18,0	17	31,4	14	22,6
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nghệ thuật	11. Âm nhạc	HTT	48	68,6	34	73,9	40	65,6	37	68,6	46	74,2
		HT	21	30,0	13	26,1	20	32,8	17	31,4	16	25,8
		CHT	1	1,4	0	0	1	1,6	0	0	0	0
	12. Mĩ Thuật	HTT	47	67,2	30	65,2	40	65,6	38	70,4	41	66,1
		HT	22	31,4	16	34,8	21	34,4	16	29,6	21	33,9
		CHT	1	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0
13. HĐTN		HTT	47	67,2	31	67,4	40	65,6	37	68,6	42	67,7
		HT	23	32,8	15	32,6	20	32,8	17	31,4	20	32,3
		CHT	0	0	0	0	1	1,6	0	0	0	0

- Các hoạt động khác:

100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.

100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục thứ 2,4,6 hàng tuần).

100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.

100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách: 2 lần/năm học.

+ Năng lực:

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3						Khối 4						Khối 5					
Tổng số HS	70						46						61						54						62					
Năng lực	Mức đạt được																													
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
- Năng lực chung																														
1. Tự chủ và tự học	45	64,2	24	34,4	1	1,4	30	65,2	16	34,8	0	0	42	68,9	18	29,5	1	1,6	35	64,8	19	35,2	0	0	39	62,9	23	37,1	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	45	64,2	24	34,4	1	1,4	32	69,6	14	30,4	0	0	43	70,5	17	27,9	1	1,6	34	63,0	20	37,0	0	0	41	66,1	21	33,9	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	45	64,2	24	34,4	1	1,4	30	65,2	16	34,8	0	0	40	65,6	20	32,8	1	1,6	35	64,8	19	35,2	0	0	38	61,3	24	38,7	0	0
- Năng lực đặc thù																														
1. Ngôn ngữ	45	64,2	24	34,4	1	1,4	30	65,2	16	34,8	0	0	40	65,6	20	32,8	1	1,6	35	64,8	19	35,2	0	0	38	61,3	24	38,7	0	0
2. Tính toán	46	65,7	23	32,9	1	1,4	30	65,2	16	34,8	0	0	44	72,2	16	26,2	1	1,6	34	63,0	20	37,0	0	0	39	62,9	23	37,1	0	0
3. Khoa học	46	66,7	23	32,9	1	1,4	30	65,2	16	34,8	0	0	40	65,6	20	32,8	1	1,6	40	74,1	14	25,9	0	0	44	71,0	18	29,0	0	0
4. Thẩm mỹ	47	67,2	22	31,4	1	1,4	30	65,2	16	34,2	0	0	40	65,6	21	34,4	1	1,6	38	70,4	16	29,6	0	0	41	66,1	21	33,9	0	0
5. Thể chất	48	68,6	22	31,4	0	0	34	73,9	12	26,1	0	0	50	82,0	11	18,0	0	0	37	68,6	17	31,4	0	0	48	77,4	14	22,6	0	0
6. C.nghệ													40	65,6	20	32,8	1	1,6	36	66,7	18	33,3	0	0	45	72,6	17	27,4	0	0
7. Tin học													40	65,6	20	32,8	1	1,6	37	68,6	17	31,4	0	0	40	64,5	22	35,5	0	0

+ Phẩm chất:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số HS		70		46		61		54		62	
Phẩm chất	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Yêu nước	Tốt	47	67,2	30	65,2	50	82,0	42	77,8	49	79,0
	Đạt	23	32,8	16	34,8	11	18,0	12	22,2	13	21,0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	Tốt	47	67,2	33	71,7	45	73,8	39	72,2	50	80,6
	Đạt	23	32,8	13	28,3	16	26,2	15	27,8	12	19,4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	Tốt	47	67,2	30	65,2	47	77,1	38	70,4	45	72,6
	Đạt	22	31,4	16	34,8	13	21,3	16	29,6	17	27,4
	CCG	1	1,4	0	0	1	1,6	0	0	0	0
4. Trung thực	Tốt	48	68,6	36	78,3	46	75,4	41	75,9	54	87,1
	Đạt	22	31,4	10	21,7	14	23,0	13	24,1	8	12,9
	CCG	0	0	0	0	1	1,6	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	Tốt	47	67,2	30	65,2	48	76,7	40	74,1	43	69,4
	Đạt	21	31,4	16	34,8	12	19,7	14	25,9	19	30,6
	CCG	1	1,4	0	0	1	1,6	0	0	0	0

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học (*Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học*)

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	Tự nhiên và Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
6	Lịch sử và Địa lí										70	36	34	70	36	34
7	Khoa học										70	36	34	70	36	34
8	Tin học và Công nghệ							70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34

10	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
13	Tăng cường Tiếng Việt	35	18	17	35	18	17	35	18	17						
14	Đọc sách tại thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
15	Giáo dục địa phương	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10
2. Môn học tự chọn																
3. Hoạt động củng cố, tăng cường <i>(Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)</i>																
1	Hoạt động tự học có hướng dẫn	153	78	75	153	78	75	48	24	24	13	6	7	13	6	7
TỔNG		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9	Truyền thống nhà trường	- Khai giảng năm học mới - Tìm hiểu truyền thống nhà trường.	- Trực tiếp kết hợp trực tuyến - Tập trung trên sân trường nghe, trả lời các câu hỏi giao lưu để nhận quà tặng.	5/9 6/9-9/9	- Bộ GD&ĐT, BGH, TPTĐ -TPT Đội, HS	- GV, NV, BDDCMHS - GVCN
10	Thiếu Nhi Điện Biên thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy	- Hưởng ứng: Tuần lễ học tập suốt đời. Góp sách cho tủ sách anh em. - Vui tết trung thu. - Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	- Phát động tuần lễ học tập suốt đời - Tổ chức cho học sinh làm lồng đèn, mâm ngũ quả, xem múa lân..... - Giao lưu TV cho học sinh dân tộc thiểu số hoặc tổ chức làm thiệp chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam.	Trong tháng 06/10 20/10	- BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh - BGH, TPTĐ, GVCN - GV; HS và PH	- BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh - Phụ huynh, các đoàn thể xã - Tổ hành chính
11	Tôn sư trọng đạo	- Sinh hoạt ý nghĩa ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. - Hoạt động ngoại khóa	- HS Toàn trường	Trong tháng 17/11	- Giáo viên- HS toàn trường. - BGH, - GV- NV	- BGH, GV,NV - BGH, GV,NV

			- Ngày hội STEM chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam.			
12	Uống nước nhớ nguồn	- Hoạt động trải nghiệm sáng tạo - Viếng đài tưởng niệm liệt sĩ bản Pa Có. - Thăm gia đình thương binh Liệt sĩ, thăm tặng quà một số gđ thương binh, liệt sỹ trong bản Pa Có, Nà Ấn .	- Tổ chức triển lãm tranh về chú bộ đội: Chào mừng ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12. - 30 học sinh cùng BGH; 5 GV đi viếng đài tưởng niệm liệt sỹ xã Chà Nưa. - BGH; TPT; Đoàn viên và 10 học sinh thăm gia đình thương binh để hỏi thăm và tặng quà .	22/12 22/12 22/12	- TPT Đội, HS toàn trường - TPT Đội, HS toàn trường - GVTP - BGH, TPTĐ, Đoàn thanh niên, HS	- Tổ hành chính - BGH; PTĐ; Đoàn thanh niên; HS - PTĐ; Đoàn thanh niên; 30 HS
1	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc	- Tìm hiểu về Tết Nguyên đán . - Hoạt động ngoại khóa	- Sinh hoạt dưới cờ, SHL và qua công tác chủ nhiệm - Giao lưu tiếng Anh cấp trường	12/01 13/01	- TPT Đội + GVCN + HS toàn trường. - PTĐ + GV tiếng Anh + HS khối 3,4,5	- BGH, TPT, GVCN và HS toàn trường. - BGH, TPT, GVCN và HS toàn trường.
2	Mừng Đảng mừng Xuân	- Thăm gia đình thương binh Liệt sĩ và viếng đài tưởng niệm liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên Đán. - Hoạt động trải nghiệm	- Học sinh khối 5 - Cùng con gói bánh chưng ngày tết;	Trong tháng 12/02	- Toàn trường. - TPT Đội + GVCN + HS toàn trường.	- BGH, TPT, Giáo viên và học sinh toàn trường

		- Hoạt động ngoại khóa	- Chơi trò chơi dân gian	20/02	- Toàn trường.	GVCN, PHHS và HS toàn trường. - GVTPT, GVCN, HS
3	Mẹ và cô	- Hoạt động ngoại khóa - Tổ chức ngày hội	- Làm thiệp hoặc hoa tặng mẹ, tặng cô - “Thiếu nhi vui khỏe”	02/3 26/3	- TPT, BT Đoàn. - Toàn trường	- Phụ huynh, đoàn thể - GVCN
4	Hòa bình và Hữu nghị	- Tuyên truyền về bảo vệ tổ quốc và tìm hiểu về biển đảo Việt Nam. - Hoạt động ngoại khóa	- Toàn trường - Hoa Trưng Nguyên toàn tài	14/4 Trong tháng	- TPTĐ - Toàn trường	- GVCN - GVTPT, GVCN, HS
5	Nhớ ơn Bác Hồ	- Tìm hiểu về Đội TNTP HCM. Tìm hiểu các anh hùng nhỏ tuổi. - Hoạt động ngoại khóa	- Toàn trường - Tổ chức Lễ tri ân cho học sinh lớp 5	05/5 Trong tháng	- TPTĐ - TPTĐ, GV thể dục, GVCN, HS	- GVCN - GVCN, đoàn thể

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (trong trường hợp có học sinh bán trú)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Thể dục buổi sáng	Thể dục buổi sáng	Học sinh bán trú	5h15p -5h30p	Sân nội trú	
2	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt, gấp chăn màn	Học sinh bán trú	5h30p-5h45p	Khu nội trú	
3	Ăn sáng	Ăn sáng	Học sinh bán trú	5h45p-6h10p	Nhà ăn	

4	Vệ sinh phòng ở, lớp học	Quyét dọn nhà vệ sinh, phòng ở.	Học sinh nội trú/toàn trường	6h10p-6h45p	Khu nội trú, lớp học	
5	Vệ sinh cá nhân chuẩn bị ăn trưa	Rửa chân tay, chia cơm	Học sinh bán trú	10h30p – 10h45p	Khu nội trú, nhà ăn	
6	Ăn trưa	Ăn trưa	Học sinh bán trú	10h45p-11h15p	Nhà ăn	
7	Dọn dẹp nhà ăn	Quyét dọn	Học sinh nội trú/theo lớp	11h15p-11h30p	Nhà ăn	
8	Nghỉ trưa	Ngủ	Học sinh bán trú	11h30p-13h15p	Phòng ở	
9	Vệ sinh cá nhân	Rửa, mặt mũi, chân tay	Học sinh bán trú	13h15p-13h30p	Khu nội trú	
10	Vệ sinh phòng ở, lớp học	Quyét dọn	Học sinh bán trú/theo lớp	13h30-13h50p	Khu nội trú, lớp học	
11	HD TDDT, câu lạc bộ, Chăm sóc bồn hoa	TDDT, câu lạc bộ, Chăm sóc bồn hoa	Học sinh bán trú/toàn trường	16h20p-17h00p	Sân trường, vườn trường	
12	Vệ sinh cá nhân	Tắm giặt	Học sinh bán trú	17h00p-17h30p	Khu nội trú	
13	Ăn tối	Ăn tối	Học sinh bán trú	17h30-18h00p	Nhà ăn	
14	Dọn vs nhà ăn	quyét dọn	Theo lớp	18h00p-18h30p	Nhà ăn	
15	Xem phim	Xem phim	Học sinh bán trú	18h30p-19h30p	Nhà ăn	
16	Học tối	Học tối	Theo lớp	19h30p-20h45p	Lớp học	
17	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt...	Học sinh bán trú	20h45p-21h30p	Khu nội trú	
18	Ngủ tối	Ngủ tối	Học sinh bán trú	21h-30p đến 5h15p ngày hôm sau.	Phòng nội trú	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường Nà Cang

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
6 giờ 30 phút - 7 giờ 05 phút	35 phút	Vệ sinh điểm trường
7 giờ 10 phút - 7 giờ 25 phút	15 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 5 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 45 phút - 9 giờ 5 phút	20 phút	Ra chơi
9 giờ 5 phút - 9 giờ 40 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 45 phút - 10 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 20 phút - 11 giờ 30 phút	70 phút	Ăn trưa + HĐTN/ Hoạt động giáo dục (HS dự án nuôi em)
11 giờ 40 phút - 13 giờ 30 phút	110 phút	Ngủ trưa
Buổi chiều		
13 giờ 20 phút - 13 giờ 35 phút	15 phút	Vệ sinh điểm trường
13 giờ 40 phút - 13 giờ 55 phút	15 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 15 phút - 15 giờ 30 phút	15 phút	Ra chơi
15 giờ 30 phút - 16 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung
16 giờ 20 phút đến 17 giờ 00 phút	40 phút	- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; CLB; chăm sóc bồn hoa, cây cảnh; ...

* Ghi chú: Thời gian 1 tiết học 35 phút, 05 phút dành cho thời gian chuyển giữa các tiết học.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 và kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục

- **Thực hiện số 1812/QĐ-UBND** ngày 13 tháng 8 năm 2025 Quyết định Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông, Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

+ Ngày tựu trường:

Lớp 1: ngày 22/8/2025

Lớp 2,3,4,5: ngày 29/8/2025

+ Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

+ Học kỳ I: có 18 tuần thực học còn lại dành cho các hoạt động khác; kết thúc học kì 1 trước ngày 18/01/2026.

+ Học kỳ II: có 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác; hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026.

- Tại trường PTDTBT TH Chà Nưa thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

4.1. Đối với lớp 1

4.1.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

(Có biểu kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	420	
2	Toán	105	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Âm nhạc	35	
6	Mĩ thuật	35	
7	Giáo dục thể chất	70	
8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Môn học tự chọn	0	
10	Hoạt động tập thể	21	

11	Đọc sách tại thư viện	35	
12	Giáo dục địa phương	22	
13	Tăng cường tiếng Việt	35	
14	Hoạt động củng cố tăng cường	153	
15	HĐ theo nhu cầu người học	140	
16	Sinh hoạt chuyên môn	54	
17	Các ngày nghỉ trong năm	14	
18	Tổng số tiết học kỳ I	576	
19	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.1.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (theo Phụ lục 02)

4.2. Đối với lớp 2

4.2.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học
(Có biểu kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	350	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Âm nhạc	35	
6	Mĩ thuật	35	
7	Giáo dục thể chất	70	
8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	TCTV	35	
10	ĐSTTV	35	

11	Môn học tự chọn	0	
12	Giáo dục địa phương	22	
13	Hoạt động tập thể	21	
14	Hoạt động củng cố tăng cường	153	
15	Hoạt động theo nhu cầu người học	140	
16	Sinh hoạt chuyên môn	54	
17	Các ngày nghỉ trong năm	14	
18	Tổng số tiết học kỳ I	576	
19	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.2.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (theo Phụ lục 2)

4.3. Đối với lớp 3

4.3.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học:

(Có biểu kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	350	
2	Toán	175	
3	Tiếng Anh	140	
4	Đạo đức	35	
5	Tự nhiên và Xã hội	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mĩ thuật	35	
8	Tin học và Công nghệ	70	
9	Giáo dục thể chất	70	
10	Hoạt động trải nghiệm	105	

11	TCTV	35	
12	ĐSTTV	35	
13	Giáo dục địa phương	22	
14	Môn học tự chọn	0	
15	Hoạt động tập thể	21	
16	Hoạt động củng cố tăng cường	48	
17	Hoạt động theo nhu cầu người học	140	
18	Sinh hoạt chuyên môn	54	
19	Các ngày nghỉ trong năm	14	
20	Tổng số tiết học kỳ I	576	
21	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.3.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (theo Phụ lục 2)

4.4. Đối với lớp 4

4.4.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

(Có biểu kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Tiếng Anh	140	
4	Đạo đức	35	
5	Khoa học	70	
6	Lịch sử và Địa lí	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mĩ thuật	35	

9	Công nghệ	35	
10	Tin học	35	
11	GDTC	70	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	ĐSTTV	35	
14	Giáo dục địa phương	22	
15	Môn học tự chọn	0	
16	Hoạt động tập thể	21	
17	Hoạt động củng cố tăng cường	13	
18	Hoạt động theo nhu cầu người học	140	
19	Sinh hoạt chuyên môn	54	
20	Các ngày nghỉ trong năm	14	
21	Tổng số tiết học kỳ I	576	
22	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.4.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 *(theo Phụ lục 2)*

4.5. Đối với lớp 5

4.5.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

(Có biểu kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Tiếng Anh	140	
4	Đạo đức	35	
5	Khoa học	70	

6	Lịch sử và Địa lí	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mĩ thuật	35	
9	Công nghệ	35	
10	Tin học	35	
11	GDTC	70	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	ĐSTTV	35	
14	Giáo dục địa phương	22	
15	Môn học tự chọn	0	
16	Hoạt động tập thể	21	
17	Hoạt động củng cố tăng cường	13	
18	Hoạt động theo nhu cầu người học	140	
19	Sinh hoạt chuyên môn	54	
20	Các ngày nghỉ trong năm	14	
21	Tổng số tiết học kỳ I	576	
22	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.5.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (theo Phụ lục 2)

V. Giải pháp thực hiện

1- Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, tu sửa, bổ sung CSVN, trang thiết bị dạy học trong dịp hè để chuẩn bị cho năm học mới.

- Tham mưu việc mua sắm, bổ sung thiết bị dạy học theo quy định tại thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.

- Thực hiện tốt phong trào tự làm đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học theo đúng kế hoạch của nhà trường, trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh.

- Xây dựng nội quy bảo quản cơ sở vật chất và tài sản của nhà trường, lớp học; tổ chức cho các lớp triển khai học tập và quán triệt thực hiện nội quy đề ra.

- Chỉ đạo giáo viên đăng ký mượn đồ dùng dạy học hàng tuần, thực hiện dạy có sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Thường xuyên tuyên truyền quán triệt, nhắc nhở CB-GV-NV-HS về ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ tài sản, CSVN và trang thiết bị dạy học.

- Tổ chức kiểm kê và bàn giao tài sản của lớp cho giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm bảo quản, mỗi năm học 2 lần báo cáo định kỳ và báo cáo ngay khi có hiện tượng bất thường xảy ra.

- Cập nhật thường xuyên phần mềm MISA, CSDL Quốc gia, SMAS...

- Hợp đồng nhân viên bảo vệ trực 24/24 giờ, cam kết bảo vệ an toàn tài sản nhà trường.

2. Thực hiện công tác đội ngũ.

- Thực hiện việc rà soát số lượng đội ngũ giáo viên thực hiện trong năm học, tham mưu kịp thời với Phòng Văn hóa – Xã hội về việc bổ sung giáo viên còn thiếu theo định mức cho nhà trường nhằm đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo đúng quy định.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Triển khai thực hiện hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn tại trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên luôn được trao đổi kinh nghiệm học hỏi chuyên môn nghiệp vụ của đồng chí đồng nghiệp để đưa ra được nhiều phương pháp, giải pháp thực hiện những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục. Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm, tham mưu với cấp có thẩm quyền tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng về công tác chuyên môn và trình độ đào tạo.

- Thực hiện đánh giá viên chức đúng theo Nghị định 90/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ và đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn các tổ khối trong nhà trường, cụm trường; đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, thông qua nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học trong nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, thực hiện dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, trên cơ sở chuẩn kiến thức kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh theo từng khối lớp.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, trường 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường¹ ít nhất 01 lần/học kỳ; lựa chọn nội dung sinh hoạt cụm chuyên môn thiết thực, đáp ứng nhu cầu giáo viên, góp phần nâng cao năng lực giáo viên, tránh hình thức, chạy theo thành tích; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học². Thời gian, địa điểm, nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động.

4. Duy trì số lượng, nâng cao chất lượng học sinh

- Chỉ đạo giáo viên tham mưu với trường bản các bản, các tổ chức đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động học sinh ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao, duy trì tốt số lượng học sinh đảm bảo không để học sinh bỏ học giữa chừng. Duy trì tỷ lệ học sinh học 9 buổi/tuần đạt 100%.

- Nâng cao chất lượng dạy học 9 buổi/tuần; đảm bảo tỉ lệ giáo viên/lớp theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập. Học sinh học 9 buổi/tuần được tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động nhằm phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm.

- Thường xuyên thực hiện dạy tăng cường TV cho HSĐT, nhất là HS lớp 1, 2, 3; Đồng thời ôn tập bổ sung những kiến thức học sinh còn chưa hoàn thành môn học. Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập các bộ môn ở tất cả các khối lớp ngay từ đầu năm học. Thường xuyên phối kết hợp cùng gia đình HS để ôn tập, củng cố kiến thức, kỹ năng học tập đảm bảo theo yêu cầu từng khối lớp.

5. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: múa, vẽ, thể thao, bơi...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

6. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Xây dựng cụ thể kế hoạch dạy học các môn học, chương trình giáo dục nhà trường. Tăng cường tổ chức các hoạt động học tập ngoài lớp học phù hợp với nội dung các môn học và hoạt động giáo dục. Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức

¹ Cấp Tiểu học tỉnh Điện Biên tổ chức 18 cụm chuyên môn theo Quyết định số 1069/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Sở GDĐT tỉnh Điện Biên.

² Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GDĐT tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học).

dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học.

- Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo vào dạy học.

7. Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

- Đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận theo các mức độ quy định.

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học lên lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất đúng quy định, tránh khen thưởng tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

8. Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ, Tin học

- Tổ chức cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 học Tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ GD&ĐT. Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GDĐT về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GDĐT. Triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh cấp tiểu học theo Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GDĐT và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT trong năm học 2025-2026. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học (Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tin học chương trình GDPT 2018 cấp Tiểu học). Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục Tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

9. Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Tổ chức tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số qua các môn học và hoạt động giáo dục tối thiểu 01 tiết/tuần. Xây dựng lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tiếng Việt.

- Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp Một theo quy định, thời lượng 72 tiết. Dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trước khi vào lớp theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1.

- Tiếp tục triển khai việc thực hiện Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 29-3-2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025. Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt theo Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên lớp 1 và học sinh lớp 1; Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3.

- Đối với các lớp 2, 3, 4, 5 tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

10. Thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

- Huy động tối đa số trẻ khuyết tật từ 6 đến 10 tuổi ra lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật và chỉ tiêu phổ cập giáo dục tiểu học năm 2025. Năm học 2025-2026 nhà trường có 05 học sinh khuyết tật.

- Tiếp tục tạo mọi điều kiện cho trẻ khuyết tật tiếp cận giáo dục theo Luật người khuyết tật năm 2010 và thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Lao động thương binh và xã hội- Bộ Tài chính về quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật. Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch dạy học hòa nhập của các khối lớp, chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục hòa nhập, đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính. Việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ được ghi trong sổ theo dõi trẻ khuyết tật.

- Nắm chắc số liệu, danh sách trẻ khuyết tật trong độ tuổi học tiểu học; thống kê, báo cáo kết quả giáo dục trẻ khuyết tật theo quy định.

11. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ.

- Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm,

khám phá, thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi nhằm giúp học sinh có được cảm giác an toàn mọi lúc mọi nơi, có được tính tự lực, tự tin, sáng tạo trong cuộc sống.

- Tiếp tục tổ chức lồng ghép các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo hướng dẫn tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, giáo dục bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, dịch bệnh cho học sinh.

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp. Trên cơ sở đó hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày. Giúp học sinh làm chủ bản thân, thích ứng và biết cách ứng phó trước những tình huống khó khăn trong cuộc sống hàng ngày; Rèn cách sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng; Có hướng suy nghĩ tích cực và tự tin, tự quyết định và lựa chọn những hành vi đúng đắn. Tạo cơ hội thuận lợi để học sinh thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức. Tạo cơ hội cho giáo viên điều chỉnh, đổi mới phương pháp giảng dạy; phát huy khả năng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục; phát hiện những năng khiếu, phẩm chất, năng lực của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiêu học.

- Chỉ đạo kịp thời việc dạy học tích hợp, dạy học lồng ghép các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, giáo dục bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, dịch bệnh, giáo dục STEM, lý tưởng cách mạng, quyền con người, công dân số, ... trong các tiết học.

- Tổ chức khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào một số câu lạc bộ như: Câu lạc bộ Thể dục thể thao, câu lạc bộ Nghệ thuật, Câu lạc bộ Em yêu tiếng Việt, câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ Em yêu lịch sử, ...

12. Tổ chức dạy học 9 buổi/tuần và bán trú

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học 9 buổi/tuần, mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần). Nội dung và hình thức dạy học:

- + Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- + Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

- Triển khai Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học; tổ chức bữa ăn học đường kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ theo Tài liệu hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT.

- Thực hiện Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

- Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

- Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; Lập tờ trình đề nghị chuẩn ý nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

2. Phó Hiệu trưởng

- Phụ trách công việc được hiệu trưởng ủy quyền, gồm các lĩnh vực công tác sau:

+ Phụ trách chuyên môn chung.

+ Phụ trách tổ khối :3,4,5.

+ Phụ trách công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kĩ năng.

+ Phụ trách BDTX, công tác bồi dưỡng năng lực giáo viên

+ Phụ trách Thư viện - Thiết bị

+ Phụ trách các hoạt động phong trào, hoạt động Đội, câu lạc bộ, hoạt động truyền thông.

+ Phụ trách Công nghệ thông tin, quản lý các phần mềm: CSDL, SMAS...

+ Tổng hợp báo cáo.

+ Phụ trách công tác Phổ cập.

+ Phụ trách cơ sở vật chất, lao động.

+ Phụ trách các hoạt động Thể dục, vệ sinh

+ Phụ trách Công tác khuyến học, y tế học đường, Hội chữ thập đỏ.

- + Phụ trách phần mềm: Misa Emis - Nền tảng giáo dục
- + Tham gia thực hiện các công việc khác khi hiệu trưởng ủy quyền.
- + Dạy 4 tiết/ tuần:

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.
- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng và giải trình kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học.
- Thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt.
- Đề xuất hiệu trưởng phân công giáo viên dạy và giáo viên chủ nhiệm lớp theo năm học.
- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng.
- Tổ chức sinh hoạt ít nhất hai tuần một lần để thực hiện các nhiệm vụ của tổ chuyên môn trên tinh thần xây dựng môi trường thân thiện, tích cực, tự học để nâng cao trình độ và phát triển năng lực chuyên môn.

4. Tổng phụ trách đội

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

5. Giáo viên

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách, bảo đảm quy định của chương trình giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường.
- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.
- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.
- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

- Tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

- Quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục tại điểm trường khi được hiệu trưởng phân công.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của hiệu trưởng.

- Đối với giáo viên chủ nhiệm ngoài các nhiệm vụ trên còn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- + Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

- + Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng và được hiệu trưởng phê duyệt.

- + Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh.

- + Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

6. Nhân viên

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhân viên trường tiểu học xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động cá nhân theo tuần, tháng, năm học nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tùy theo vị trí việc làm, nhân viên trường tiểu học thực hiện nhiệm vụ theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm đang đảm nhiệm cụ thể như sau:

6.1. Nhân viên thư viện.

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện - thiết bị;

- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện - thiết bị;
- Tuyên truyền đề CBGV, NV và học sinh tích cực đọc sách;
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...
- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

6.2. Nhân viên Y tế

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.
- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường
- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CB, GV, NV và học sinh.
- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp) an toàn vệ sinh.
- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDDT, Bộ Y tế.
- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

6.3. Nhân viên kế toán

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.
- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.
- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.
- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.
- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.
- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6.4. Nhân viên văn thư

- Theo dõi và cập nhật đầy đủ công văn đi, đến, công văn mật theo đúng quy định của pháp luật, nhà nước, của nhà trường.
- Quản lý và sử dụng con dấu dung mục đích theo quy định của các cấp.
- Làm tốt công tác trình và tham mưu các văn bản chỉ đạo của các cấp cho BGH.
- Theo dõi dõi và cập nhật văn bản đúng thời gian trên hệ thống hồ sơ công việc của xã Mường Chà, của Sở GD&ĐT, của trường.

6.5. Nhân viên phục vụ

- Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường (phòng làm việc, phòng họp, phòng học, hành lang, sân trường, hệ thống thoát nước, các khu vệ sinh của GV và HS, đảm bảo dọn vệ sinh sạch sẽ toàn bộ khuôn viên nhà trường).
- Đảm bảo nước uống, vệ sinh an toàn, đầy đủ cho cán bộ, giáo viên.
- Bảo quản các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị.
- Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường. Chủ động khắc phục những việc trong khả năng có thể, kiến nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.
- Phối hợp tốt với bảo vệ và các GVCN để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường xanh - sạch - đẹp.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6.6. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường PTDTBT Tiểu học Chà Nưa./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để t/h);
- BGH; CB, GV, NV (t/hiện);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



(Handwritten signature)

Trần Đăng Khoa